

# Tiểu sử Trường Bộ Binh Thủ Đức – QLVNCH

---



**T**rường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, Liên trường Võ khoa Thủ Đức hay còn gọi là Trường Bộ binh Thủ Đức (đầu tiên ở Thủ Đức, đến năm 1974 thì chuyển về Long Thành) là một trong bốn trường đào tạo Sĩ quan cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ba trường kia là Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, Trường Huấn luyện Không Quân Nha Trang và Trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang. Trường Thủ Đức hoạt động từ năm 1951 đến năm 1975.

## LƯỢC SỬ:

Sau khi ký Hiệp Ước Pháp–Việt ngày 5-6-1948 tại vịnh Hạ Long, công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập trong khối Liên hiệp Pháp, Quốc Trưởng Bảo Đại đã ký hiệp ước ngày 8-3-1949 tại điện Elysée với Tổng thống Pháp Vincent Auriol, theo đó, Pháp sẽ giúp Việt Nam thành lập Quân Đội Quốc Gia.

Ngày 23-12-1950, Pháp-Mỹ-Việt ký hiệp Định hỗ tương, phòng thủ và viện trợ quân sự; theo đó, Mỹ viện trợ cho Quốc Gia Việt Nam 2 tỷ Mỹ kim trong bốn năm, từ 1950 đến 1954 để trang bị cho quân đội. Cùng ngày, Nghị Định thành lập hai trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định và Thủ Đức được ban hành, nhằm đào tạo Sĩ quan ngạch Trừ bị cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày 5-5-1951, Bộ Quốc phòng mới thật sự được thành lập bằng những cơ cấu tiên khởi đã được phác họa và tạm sắp xếp từ thời chính phủ Trung ương Lâm thời Nguyễn Văn Xuân.

Do Sắc Lệnh của Quốc Trưởng Bảo Đại ký dụ số 12 ngày 15-7-1951, gọi Tổng động viên thanh niên tuổi từ 18 đến 28 đều phải nhập ngũ. Việc động viên thành phần Sĩ quan nhằm vào tư nhân, công tư chức, học sinh, sinh viên có bằng từ Cao đẳng Tiểu học hay trung học đệ nhất cấp hoặc tương đương trở lên. Trong đợt động viên đầu tiên, vào năm 1951, có nhiều Sinh viên Sĩ quan đã đậu bằng tú tài hay cử nhân, đặc biệt tại trường Sĩ quan Nam Định có 197 SVSQ (55.33%) trong số 356 SVSQ có bằng tú tài trở lên, riêng Sinh viên Sĩ quan Nguyễn Phú Đức đã có bằng tiến sĩ Luật Khoa.

Nhưng vì dự án xây cất trường ốc trên đồi Tăng Nhơn Phú chưa hoàn tất nên khóa 1 Sĩ quan Trừ bị đã được khai giảng tại hai địa điểm ở Bắc và Nam Việt, đó là Nam Định và Thủ Đức.

Khóa Sĩ quan Trừ bị đầu tiên khai giảng cùng một ngày 9-10-1951 tại Nam Định và Thủ Đức. Trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định huấn luyện Sinh viên Sĩ quan thuộc các tỉnh từ Quảng Trị ra Bắc.

Tại Nam Định, trường sử dụng một số phòng ốc trong Camp Carreau làm nơi huấn luyện. Camp Carreau là một căn cứ quân sự của Bộ chỉ huy Quân đội Viễn chinh Pháp tại miền Nam, nằm trong khuôn viên nhà máy sợi Nam Định. Vấn đề động Viên sĩ quan lúc đầu cũng gặp một vài trở ngại như tại Nam Định có một số khóa sinh, sau khi hết phép vào dịp Tết Nguyên Đán, đã trở về đơn vị trễ hay bỏ học, không trở lại trường. Vì vậy cho nên có một số Sinh viên Sĩ quan trong trường hợp nói trên đã bị bắt giữ, nhưng sau lại được thả ra và đưa vào Thủ Đức tiếp tục học khóa 1 hay được phép thi vào trường Võ Bị Đà Lạt.

Trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định chỉ đào tạo được một khóa rồi đóng cửa vĩnh viễn vào năm 1952 vì tại Thủ Đức, trường lúc đó đã được xây dựng xong, đủ chỗ cho cả khóa. Sinh viên khóa 2 Nam Định được đưa vào Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Trường tọa lạc trên khu đồi Tăng Nhơn Phú, cách chợ Thủ Đức khoảng hai cây số. Trường Sĩ quan Trừ bị Nam Định được bàn giao lại cho trường Võ Bị Nam Định vào khoảng cuối năm 1952.

Tại Thủ Đức, để có đủ quân số khẩn thành lập các đơn vị khinh quân thay thế quân Pháp rút khỏi các đồn bót, lệnh Tổng động viên đã được ban hành vào ngày 1-4-1953. Theo kế hoạch dự trù thì việc động viên được chia làm 4 đợt, mỗi đợt 10,000 người trong tháng, kể từ tháng 7-1953. Các thành phần trước đây đã phục vụ trong quân ngũ, nay cũng bị tái ngũ. Ngoài ra, 60,000 thanh niên Việt Nam cũng được lệnh nhập ngũ để thụ huấn hai tháng về căn bản quân sự, sau khi mãn khóa, họ được trở về với gia đình để chờ lệnh. Sự thực thì vấn đề động viên binh sĩ lúc bấy giờ chỉ là một nhu cầu chính trị.

Trường Sĩ quan Trù bị Thủ Đức huấn luyện Sinh viên Sĩ quan trình diện nhập ngũ thuộc các tỉnh từ Huế trở vào Nam. Ban đầu trường tạm dựng những dãy nhà mái lá, vách phen tre làm chỗ cho Sinh viên Sĩ quan tạm trú.

Chương trình huấn luyện Sĩ quan Trù bị cũng tương tự như chương trình đào tạo các Sĩ quan hiện dịch. Thời gian huấn luyện dài khoảng 6 tháng, không kể thời gian thực tập. Tính đến cuối năm 1953, Quân Đội Quốc Gia gồm có 198,000 người, trong đó 151,000 (76.27%) là chính quy và 47,000 (23.73%) là phụ lực quân.

Ngày 12-8-1954, dụ số 12 ký ngày 15-7-1951 và các nghị định liên quan đến dụ trên đều tạm đình chỉ cho đến khi có lệnh mới. Lệnh động viên được tạm ngưng nhưng các quân nhân Trù bị vẫn được lưu giữ.

Trường Sĩ quan Trù bị Thủ Đức hoạt động tới cuối tháng 4-1975, lúc đó mang tên là Trường Bộ Binh.

Từ khóa 1 đến khóa 5, hơn 4,000 Sĩ quan được đào tạo tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu úy, không tốt nghiệp thì tùy theo số điểm sẽ mang cấp Chuẩn úy hay Hạ sĩ quan.

Thiếu úy sau 2 năm được đương nhiên thăng Trung úy và Chuẩn úy sau 1 năm được đương nhiên thăng Thiếu úy.

Từ khóa 6 trở về sau, tốt nghiệp với cấp Chuẩn úy.

## **TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG SĨ QUAN TRÙ BỊ TRẢI QUA BA GIAI ĐOẠN:**

### **Giai đoạn 1951-1955:**

Để đáp ứng nhu cầu cán bộ chỉ huy các đơn vị tân lập cho kế hoạch bình định lãnh thổ và để thay thế các Sĩ quan Pháp hiện đang chỉ huy đơn vị Việt Nam, trường Sĩ quan Trù bị được thành lập vào khoảng đầu năm 1951 và khởi sự huấn luyện từ tháng 10-1951.

Khóa 1 Sĩ quan Trù bị khai giảng vào ngày 16-10-1951. Tại Nam Định, sĩ số là 356 Sinh viên Sĩ quan, mãn khóa vào ngày 1-6-1952, được đặt tên là Khóa Lê Lợi. Tại Thủ Đức, sĩ số khoảng 250 Sinh viên Sĩ quan, mãn khóa vào ngày 31-5-1952, được đặt tên là khóa Lê Văn Duyệt. Tổng cộng cả hai khóa Lê Lợi và Lê Văn Duyệt có 580 tân Sĩ quan gồm 495 Thiếu úy và 85 Chuẩn úy. Thủ khoa khóa Lê Lợi là Thiếu úy Nguyễn Duy Hình và thủ khoa khóa Lê Văn Duyệt là Thiếu úy Phạm Kim Quy. Cấp hiệu thiếu úy, dập theo cấp bậc của quân đội Pháp, là một gạch vàng hay trắng bằng kim tuyến, nằm trên hai cầu vai.

“Lon” màu trắng dành cho các Sĩ quan thuộc binh chủng Thiết Giáp, Quân Cự và Thông Vận Binh. Cấp hiệu màu vàng dành cho Bộ binh và các binh chủng khác.

Chỉ huy trưởng đầu tiên người Việt là Đại tá Phạm Văn Cẩm, xuất thân Trường Thiếu Sinh quân. Trong Giai đoạn 1951-1954, các Sĩ quan tốt nghiệp mang cấp bậc Thiếu úy và có thể chọn ở lại Bộ binh hay chuyển sang các quân chủng Không quân, Lục quân hoặc binh chủng Nhảy Dù.

Nhằm tăng cường cho biện pháp động viên, ngày 12-4-1954, thủ tướng Bửu Lộc đã quyết định động viên tập thể mọi thanh niên sinh từ 1-1-1929 đến 31-12-1933. Hầu hết số người trong hạng tuổi này, khoảng 1,250 người đủ điều kiện học vấn, đã trình diện các Bộ Tư lệnh Quân khu để theo học khóa khóa 4 (Khóa Cương Quyết và Cương Quyết 2 gồm 1,250 Sinh viên Sĩ quan. 900 Sinh viên Sĩ quan, khai giảng vào ngày 25-3-1954 tại Trường Thủ Đức (Khóa Cương Quyết), số 350 sinh viên còn lại được chuyển lên Đà Lạt thụ huấn (Cương Quyết 2), nhưng đến ngày mãn khóa, 1-10-1954, người ta ghi nhận chỉ còn lại 160 thiếu úy và 99 chuẩn úy tốt nghiệp, gần 100 sinh viên khác không hội đủ điều kiện nên đã bị loại sau kỳ khảo hạch giai đoạn 1. Thủ khoa Cương Quyết 2 tại Đà Lạt là Thiếu úy Ngô Văn Lợi. Thời gian huấn luyện dành cho khóa 4 là 6 tháng nhưng khóa Cương Quyết tại Thủ Đức mãn khóa sau khóa Cương Quyết 2 tại Đà Lạt đúng một tuần.

Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức đã đào tạo hơn 4,000 Sĩ quan (từ khóa 1 đến khóa 5).

Sau khi hoàn tất việc huấn luyện khoá 5 Sĩ quan Trừ bị, Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức tạm ngưng đào tạo Sĩ quan Trừ bị trong một thời gian khoảng 2 năm do ảnh hưởng của Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954 trong điều kiện giảm trừ quân bị.

Vào cuối năm 1955, các lớp huấn luyện chuyên môn như Quân Cự, Quân Chánh, Thông vận binh, Thiết giáp binh, Pháo binh, Công binh, Truyền tin... lần lượt trở thành các Trường chuyên môn, phụ trách huấn luyện cán bộ các cấp, từ hàng binh sĩ cho đến sĩ quan, thuộc binh sở hay binh chủng. Nhưng các trường hay lớp huấn luyện chuyên môn này vẫn được đặt dưới quyền kiểm soát của Bộ Chỉ Huy Trường Sĩ quan Trừ bị. Do đó, vào đầu năm 1957 trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức được cải danh thành Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức gồm các quân trường:

**Trường Bộ Binh,  
Trường Thiết Giáp,  
Trường Pháo Binh,  
Trường Công Binh,  
Trường Truyền Tin,  
Trường Quân Cự,  
Trường Thông Vận Binh,**

## **Trường Quân Chính.**

Riêng hai trường Pháo Binh và Công Binh tuy thống thuộc Liên trường nhưng trú đóng tại Bình Dương và Khoá 6 sĩ quan trừ bị được tiếp tục huấn luyện ngày 25-3-1957. Khoá 6 là khóa sĩ quan trừ bị đầu tiên kể từ ngày nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền Nam, Bắc tại vĩ tuyến thứ 17 bởi Hiệp Định Genève, do Pháp và Việt Minh cùng thỏa thuận ký kết vào ngày 21 tháng 7, năm 1954. Đại úy Nguyễn Viết Thanh, sau này là Thiếu tướng Tư Lệnh Quân Đoàn IV, được chỉ định làm giám đốc “Trường Sĩ quan Trừ bị” này. Tổng số Sinh viên Sĩ quan khóa 6 gồm khoảng 600 người kể cả 200 khóa sinh thuộc Bảo An đoàn. Đặc biệt khóa này được huấn luyện trong thời gian 11 tháng để các tân sĩ quan có đủ khả năng chỉ huy một đơn vị cao hơn cấp trung đội khi cần.

Cũng kể từ khóa 6 Sĩ quan Trừ bị, Sinh viên Sĩ quan sau khi tốt nghiệp được mang cấp bậc Chuẩn úy thay vì Thiếu úy như 5 khóa trước áp dụng quy chế của quân đội Pháp. Chuẩn úy Phạm Văn Vĩnh Thủ khoa khóa 6.

## **Giai đoạn 1955-1963:**

Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức được đổi tên thành Liên trường Võ khoa Thủ Đức, ngoài Sĩ quan Bộ binh, trường còn đào tạo Sĩ quan Thiết vận, Quân chính, Quân cụ, Quân nhu, Quân y, Dược, Truyền tin, Công binh, Thông vận binh (xa binh). Thời gian huấn luyện: 38 tuần.

## **Từ 1955 đến 1961, Liên trường Võ khoa Thủ Đức cung cấp:**

2/3 tổng số Sĩ quan Bộ Binh,  
80% cán bộ (Sĩ quan và chuyên viên Quân Nhu),  
89% cán bộ Quân Cụ,  
95% cán bộ Thiết Giáp và Truyền Tin,  
97% cán bộ Pháo Binh,  
90% cán bộ Công Binh.

Kể từ Khóa 10 (tháng 6-1960), các khóa sinh có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp phải qua một kỳ thi tuyển để theo học vào Trường Sĩ Quan Trừ Bị.

Tháng 10-1961, một số trường chuyên môn được tách ra. Liên Trường Võ khoa Thủ Đức chỉ còn ba Trường là Bộ Binh, Thiết Giáp, Võ thuật và Thể Dục Quân Sự.

Đầu năm 1962, Bắt đầu từ Khóa 13 điều kiện theo học Trường Sĩ Quan Trừ Bị là phải có bằng tú tài 1 trở lên. Các khóa sinh Bảo An kể từ khóa này cũng phải qua kỳ thi tuyển.

Từ tháng 10 năm 1962, Liên Trường phụ trách huấn luyện những Sĩ Quan Lục Quân (Bộ Binh) về theo học lớp Đại Đội Trưởng Bộ Binh (theo chương trình học khi tốt nghiệp được văn bằng tốt nghiệp Đại Đội Trưởng hay Bộ Binh Cao Cấp)

Ngày 1 tháng 8, năm 1963 (giữa khóa 15) Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức đổi tên thành Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức và chỉ đảm trách việc đào tạo Sĩ Quan Trừ Bị cho toàn thể Lục Quân Việt Nam. Mỗi năm, Trường có ba khóa huấn luyện.

Sau cách mạng (đảo chánh) 1-11-1963, Bảo An cải danh thành Địa Phương Quân.

Ngày 1 tháng 7, năm 1964, Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức được đổi lại danh xưng Trường Bộ Binh cho đến năm 1975.

Tháng 4, năm 1964, Trường được giao phó thêm việc huấn luyện lớp Tiểu Đoàn Trưởng Bộ Binh.

Từ năm 1951 đến 1967, mỗi năm chỉ có một khóa, đánh số từ 1 đến 27. Đến năm 1968, một năm có nhiều khóa, nên đánh số theo năm (1/68, 2/68...)

### **Giai đoạn 1964-1975:**

Sau biến cố Tết Mậu Thân và sắc lệnh Tổng Động Viên ban hành ngày 19-6-1968, hàng năm Trường Bộ Binh Thủ Đức đào tạo 6 đến 8 khóa, do nhu cầu chiến trường. Chương trình huấn luyện chia thành hai giai đoạn: Trong giai đoạn 1, khóa sinh được gọi là Tân Khóa Sinh Dự bị Sĩ quan, thụ huấn tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Sau khi hoàn tất giai đoạn 1, các Tân Khóa Sinh/Dự bị Sĩ quan đủ tiêu chuẩn được chuyển sang Thủ Đức học tiếp giai đoạn 2. Về sau, các Tân Khóa Sinh được huấn luyện giai đoạn 1 ngay tại Thủ Đức.

Trong giai đoạn này, vì số lượng SVSQ quá lớn, thiếu trường sở và huấn luyện viên, nhiều khóa Sĩ quan Trừ bị đã được đào tạo tại Trường Hạ Sĩ quan Đồng Đế.

### **Các giai đoạn học của Sinh viên Sĩ quan:**

Chương trình huấn luyện đào tạo sĩ quan chỉ huy Trung đội gồm có 2 giai đoạn:

#### **Giai đoạn 1 (18 tuần):**

Bộ binh căn bản. Tác chiến cá nhân.

Cơ bản thao diễn, tác xạ, vũ khí cá nhân (Colt 45, Garand M1, tiểu liên Thompson, trung liên Bar, Carbine M1, M2, AR15, M16). Thủ lĩnh các đội hình hàng dọc, hàng ngang, quả trám. Học cách chỉ huy tiểu đội.

## **Giai đoạn 2 (28 tuần):**

Tập chỉ huy trung đội. Chiến thuật trung đội. Vũ khí cộng đồng. Chiến thuật đánh đêm, đánh ngày, bố trí hỏa lực, các đội hình di chuyển khi hành quân, khi phòng thủ, dừng quân, hành quân đổ trực thăng, tòng thiết Thiết giáp, vượt sông, phục kích, tao ngộ chiến, xa luân chiến...

Học Chiến tranh chính trị, Quân pháp, Lãnh đạo chỉ huy, giải tán biểu tình, bắt tù binh... Rèn luyện can đảm bằng bò hỏa lực bắn đạn thật, đi dây tử thần, tuột núi, vượt sông.

Vũ khí cộng đồng như: đại liên, súng cối 60ly, 81ly, súng phóng hỏa tiễn M72, M79...

Tuần lễ hành quân thực tập để ôn lại tất cả những môn học, được tổ chức bên ngoài các bãi tập.

Trong năm 1969-1970, mấy chục Sinh viên Sĩ quan đã chết trên những bãi tập do mệt mỏi của Cộng quân gài trên đường thực tập.

Quân sự là phương tiện của chính trị, Sinh viên Sĩ quan cũng được học về những điều sai lầm của Chủ nghĩa Cộng Sản.

Bắt đầu khoá 26, áp dụng phương pháp huấn luyện theo Bộ Binh Hoa Kỳ. Chương trình học vẫn nội dung cũ, chỉ khác biệt ở phần huấn luyện thể chất. Cụ thể là di chuyển bằng cách chạy. Vất vả nhiều cho Sinh viên Sĩ quan hơn. Theo kiểu Hoa Kỳ không nổi, vì thể chất của người Việt Nam nhỏ con hơn người Mỹ, do đó, có sự điều chỉnh cho hợp với thể trạng của người Việt Nam. Một sĩ quan cán bộ tốt nghiệp Fort Benning, anh Nguyễn Thượng Hà, sau một thời gian chạy theo đại đội, bị ngã gục vì kiệt sức. Giải ngũ.

Một số sĩ quan được gửi sang Mỹ học khoá Bộ Binh ở trường Fort Benning, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ, kéo dài 24 tuần lễ đã đào tạo hàng trăm sĩ quan làm cán bộ của Liên Đoàn Sinh viên Sĩ quan Trường Bộ Binh.

Tháng 4-1974 Trường Bộ binh Thủ Đức chuyển sang căn cứ huấn luyện mới tại Long Thành (doanh trại cũ của Quân Đội Thái Lan cũ).

Đến đầu tháng 4, năm 1975, Trường Bộ Binh lại dọn về Thủ Đức. Khóa cuối cùng là khoá 3/75.

Ngày 27-4-1975 trường lại được lệnh di tản chiến thuật về Tăng Nhơn Phú-Thủ Đức để nghênh cản địch quân dưới quyền điều động của Đại tá Liên đoàn trưởng Lộ Công Danh. Một trong những nhân chứng có mặt tại đồi Tăng Nhơn Phú vào giờ chót của ngày cuối cùng, ông Minh Tân Lê Quảng Trị, đã tường thuật đại để như sau: Vào lúc 8 giờ 15' sáng 30-4-1975, từ xa lộ Biên Hòa, 4 chiến xa T-54 của CS Bắc Việt lồng lộn tiến nhanh về phía quân trường Thủ Đức, nhưng ba trong bốn chiến xa nói trên đã bị bắn cháy ngay tại bờ rào kẽm gai bởi pháo binh 105ly bố phòng trực xạ.

Chiếc chiến xa T-54 còn lại vượt thoát chạy thẳng vào trung tâm trường Thủ Đức, dùng đại liên 50 trên pháo tháp bắn sồi xả vào lực lượng phòng thủ khiến Trung tá Ông Văn Tuyên, Trung sĩ I Nhân và 5 Sinh viên Sĩ quan tử thương, Thiếu tá Vương Bá Thuần và 9 người khác bị thương. Sau đó chiếc chiến xa này chạy thẳng ra công số 1, tìm đường tẩu thoát nhưng đã bị các tổ Sinh viên Sĩ quan sử dụng súng phóng hỏa tiễn M72 bắn đứt xích. Khi chiến xa lết ra tới Niệm Phật đường Quảng Đức, chợ Nhỏ, chúng quay pháo tháp vào Trường, tiếp tục bắn phá.

Trước tình trạng nan giải này, hai tân khóa sinh, mỗi người tình nguyện mang 4 trái lựu đạn lân tinh, bò ra ngoài để tiêu diệt chiến xa địch. Trong lúc chiếc T-54 đang nhả đạn vào Trường, hai khóa sinh nói trên đã leo lên chiến xa, thả lựu đạn lân tinh vào trong pháo tháp khiến chiến xa địch phát hỏa, đạn trong pháo tháp phát nổ tung.

Chiến tích dũng cảm của hai tân khóa sinh không những đã làm mọi người phải ngưỡng phục mà còn nói lên cái khả năng chiến đấu siêu việt cũng như ý chí bất khuất và quyết thắng của Sinh viên Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức.

Vào lúc 10 giờ 20 sáng ngày 30-4-1975, đại tướng Dương Văn Minh, tổng thống vài ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, đã ra lệnh cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa buông súng đầu hàng. Tất cả cán bộ cũng như sinh viên, khóa sinh, không ai bảo ai, đã lần lượt giã từ vũ khí, về với gia đình.

**Phù Hiệu Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức:**





Năm 1962, Phù hiệu của Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức gồm ngọn lửa hồng bao quanh thanh kiếm bạc trong nền xanh, được ghi thêm phương châm “Cu An Tư Nguy” trên phù hiệu, có nghĩa là muốn sống yên ổn thì phải nghĩ đến lúc hiểm nguy, suy rộng ra “Muốn Hòa Bình phải chuẩn bị Chiến Tranh” do sáng kiến của Đại tá Phan Đình Thứ, tỵ Lam Sơn, đương kim Chỉ Huy Trường Trường.

**Nền xanh da trời:** biểu hiện sự thanh khiết từ tư tưởng đến hành động, và ý chí cao cả của thanh niên đối với quê hương.

**Ngọn Lửa Hồng:** biểu hiện lòng dũng cảm, chí cương quyết, đức hy sinh.

**Thanh Kiếm:** biểu hiện cho Cấp Chỉ Huy.

Bốn chữ “Cu an tư nguy” sống yên (không quên) lo nguy, được ghi thêm vào theo đề nghị của Đại tá Lam Sơn trong thời gian ông làm Chỉ Huy Trường (1962). Câu này trích từ Hệ Từ Hạ của Khổng Tử:

Nguy giả an kỳ vĩ giả dã  
Vong giả bảo kỳ tôn giả dã  
Loạn giả hữu kỳ trị giả dã  
Thị cô quân tử an nhi bất vong nguy, tồn nhi bất vong vong  
Tri nhi bất vong loạn  
Thị dĩ nhân an nhi quốc gia khả bảo gia

*Nghĩa là:*

*Người bị nguy là bởi cứ yên vui nơi ngôi phận mình  
Bị mất là bởi chỉ tới cái hiện có  
Bị loạn bởi tin cậy cái trị có sẵn,*

*Bởi thế, người quân tử lúc sống yên không quên cái nguy, còn không quên lúc mất. Khi thịnh trị không quên cảnh loạn suy, như vậy mới yên thân mà giữ được nước nhà.*

*Câu từ dài ấy được rút lại còn 8 chữ: “Cư an lự nguy, xử trị tư loạn” và gọn hơn nữa, 4 chữ: “CU AN TỰ NGUY”*

### **Dây Biểu Chương Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức:**

Trường Bộ Binh được tuyên dương công trạng hai lần trước quân đội. Được mang dây biểu chương màu Anh Dũng Bội Tinh.

### **Các Vị Chỉ Huy Trưởng Liên Tiếp và Thời Gian Phục Vụ:**

1. Thiếu tướng Georges Bouillet (Thủ Đức): 1-10-1951,
2. Thiếu tá Tilly (Nam Định): 1-10-1951,
3. Đại tá Chalandon (Nam Định & Thủ Đức): 5-1-1952,
4. Đại tá Phạm Văn Cảm: 1-11-1953 đến ngày 30-9-1956,
5. Thiếu tướng Lê Văn Nghiêm: 30-9-1956,
6. Đại tá Nguyễn Văn Chuân: 26-5-1961,
7. Thiếu tướng Hồ Văn Tố: 27-7-1961,
8. Đại tá Phan Đình Thứ, tự Lam Sơn: 19-5-1962,
9. Thiếu tướng Trần Ngọc Tám: 3-11-1963,
10. Đại tá Bùi Hữu Nhơn: 7-4-1964,
11. Chuẩn tướng Cao Hảo Hớn: 20-11-1964,
12. Đại tá Trần Văn Trung: 20-5-1965,
13. Thiếu tướng Bùi Hữu Nhơn: 2-12-1966,
14. Đại tá Lâm Quang Thọ: 14-4-1967,
15. Thiếu tướng Phạm Quốc Thuận: 20-8-1969,
16. Trung tướng Nguyễn Văn Minh: 31-10-1973,
17. Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi: 1-11-1974,
18. Đại tá Trần Đức Minh: 4-4-1975 đến 30-4-1975,

### **CÁC VỊ TƯỚNG XUẤT THÂN TỪ TRƯỜNG SĨ QUAN TRỪ BỊ:**

#### **Khóa 1 Nam Định 219 Sĩ Quan Tốt nghiệp gồm có:**

Trung tướng Nguyễn Đức Thắng (Bộ Trưởng Xây Dựng Nông Thôn),  
Trung tướng Lê Nguyên Khang (Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến),  
Trung tướng Nguyễn Bảo Trị (Tổng Cục trưởng Quân Huấn),

Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ (Tur lệnh Không Quân, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung Ương),

Thiếu tướng Nguyễn Duy Hình (Tur Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ binh),  
Chuẩn tướng Vũ Đức Nhuận (Cục Trưởng Cục An Ninh Quân Đội),

Phó Đề đốc Đặng Cao Thăng (Tur lệnh Hải Quân Vùng IV sông ngòi kiêm Tur lệnh Hạm Đội 21),

Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Tần (Tur Lệnh Sư Đoàn 4 Không Quân),  
Chuẩn tướng Phan Phụng Tiên (Tur Lệnh Sư Đoàn 5 Không Quân),  
Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điềm (Tur Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh),  
Chuẩn tướng Nguyễn Văn Lượng (Tur Lệnh Sư Đoàn 2 Không Quân),  
Chuẩn tướng Đặng Đình Linh (Tham Mưu Phó Tiếp vận Bộ Tur Lệnh Không Quân),  
Chuẩn tướng Nguyễn Chấn (biệt phái Bộ Canh Nông),  
Chuẩn tướng Phạm Hữu Nhơn (Trưởng Phòng 7 Bộ Tổng Tham Mưu).

### **Khóa 1 Thủ Đức 278 Sĩ Quan Tốt nghiệp gồm có:**

Trung tướng Trần Văn Minh (Tur Lệnh Không Quân),  
Trung tướng Đồng Văn Khuyên (Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Tiếp Vận),  
Thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình (Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia),  
Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan (Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia),  
Thiếu tướng Võ Xuân Lành (Tur Lệnh Phó Không Quân),  
Thiếu tướng Phan Đình Soạn (Tur Lệnh Phó Quân Đoàn I Quân Khu I). Truy thăng,  
Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang (Tur Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân),  
Chuẩn tướng Huỳnh Bá Tính (Tur Lệnh Sư Đoàn 3 Không Quân),

Chuẩn tướng Trương Bảy (Phụ tá Đặc Biệt Tur lệnh Cảnh Sát Quốc Gia Đặc Trách Điều Hành),

Chuẩn tướng Huỳnh Công Thành (Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Bình Tuy). Truy thăng.

### **Khóa 2 Thủ Đức gồm có:**

Chuẩn tướng Bùi Quý Cảo (Tổng Giám Đốc Tài Chánh và Thanh Tra Quân Phí),

Chuẩn tướng Nguyễn Văn Thiện (Tur Lệnh Biệt Khu Quảng Đà),

Chuẩn tướng Ngô Hán Đồng (Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Quân Đoàn I). Truy thăng,

Chuẩn tướng Nguyễn Văn Khương (Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Phong Dinh).  
Truy thăng.

**Khóa 3 Thủ Đức gồm có:**

Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam (Tur Lệnh Quân đoàn IV, tuần tiết ngày miền Nam lọt  
vào tay cộng sản Bắc Việt),

Chuẩn tướng Huỳnh Văn Lạc (Tur Lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh),

Chuẩn tướng Nguyễn Văn Giàu (Phụ Tá Đặc Biệt Tur Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia Đặc  
Trách An Ninh),

Chuẩn tướng Chung Tấn Phát (Chánh Võ Phòng Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu).

**Khóa 3 Phụ Thủ Đức (tức Khóa 9B tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt):**

Chuẩn tướng Nguyễn Bá Liên. Tur Lệnh Biệt Khu 24 Kontum. Truy thăng.

**Khóa 4 (gồm *Cương Quyết & Cương Quyết 2*: 1,148 sĩ quan tốt nghiệp**

***Cương Quyết học tại Thủ Đức:***

Trung tướng Ngô Quang Trưởng (Tur Lệnh Quân đoàn I),

Thiếu tướng Bùi Thế Lân (Tur Lệnh Thủy Quân Lục Chiến),

Chuẩn tướng Lê Quang Lưỡng (Tur Lệnh Nhảy Dù),

Chuẩn tướng Phạm Duy Tất (Tur Lệnh cuộc hành quân triệt thoái Quân Đoàn II khỏi cao  
nguyên),

Chuẩn tướng Đỗ Văn An. Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 10, Sư Đoàn 7 Bộ Binh. Truy  
thăng,

Chuẩn tướng Nguyễn Trọng Bảo. Tham Muu Trưởng kiêm Phụ Tá Hành Quân Sư Đoàn  
Nhảy Dù. Truy thăng,

Chuẩn tướng Hồ Trung Hậu (Chánh Thanh Tra Quân Đoàn III Quân Khu III).

Cương Quyết 2 (tức Khóa 10B tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt):

Chuẩn tướng Trần Quốc Lịch (Chánh Thanh Tra Quân Đoàn IV Quân Khu IV).

**Khóa 5 Thủ Đức:** 1,396 sĩ quan tốt nghiệp:

Chuẩn tướng Lê Văn Hưng (Tur Lệnh Phó Quân đoàn IV, tuần tiết ngày miền Nam bị cưỡng chiếm bởi cộng sản Bắc Việt).

**Khóa 16 Thủ Đức:**

Chuẩn tướng Cảnh Sát Trang Sĩ Tấn (Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Đô Thành Sài Gòn).

### **THÀNH QUẢ CỦA TRƯỜNG BỘ BINH THỦ ĐỨC:**

Từ năm 1951 đến năm 1975, qua 24 năm đào tạo, đã có 87 khoá SQTB với 99,223 sĩ quan. Trong đó khoảng 15,000 người biệt phái về các ngành chuyên môn (hầu hết là giáo chức. Đặc biệt trong năm 1972 có 15 khóa SQTB thụ huấn tại Nha Trang và Thủ Đức. Kể từ tháng 1-1968 đến tháng 12-1973, trong việc tiếp sức trường Bộ binh Thủ Đức, riêng trường Hạ Sĩ quan Đồng Đế Nha Trang đã đào tạo được 12,000 Sĩ quan Trừ bị. Ngoài ra, trường Bộ binh Thủ Đức còn phụ trách huấn luyện các khóa như sau:

**Khoá Đại Đội Trưởng:** 44 khoá với 5,000 sĩ quan,

**Khoá Tiểu Đoàn Trưởng và Bộ Binh Cao Cấp:** 18 khoá với 1,500 sĩ quan.

**Các khoá khác:**

Khoá Hoàn Hảo sĩ quan Địa Phương Quân,

Khoá bổ túc quân sự cho Sĩ quan Y, Dược sĩ trung tập,

Khoá đào tạo Huấn luyện viên cho hàng ngàn sĩ quan Không Quân, Hải Quân và Cảnh Sát Quốc Gia.

Theo niên giám ngày 31-1-1974, thì có 23/81 tướng lãnh xuất thân từ trường Bộ Binh.

Ngày 12-4-1954, lệnh động viên lớp tuổi 21 đến 23 vào khoá 4 với tổng số là 1,250 người. Vì Trường Thủ Đức không đủ phòng ốc, cho nên 250 người được gửi tới học tại trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Học xong, trở về Thủ Đức làm lễ mãn khóa.

*Rời Thủ Đức có người thành chiến tướng  
Cũng có người thành chiến sĩ vô danh.  
Đời binh nghiệp là đường sát nghiệp  
“Nhất tướng công thành vạn cốt khô.”*



## DANH SÁCH CÁC KHÓA THUỘC TRƯỜNG SĨ QUAN TRỪ BỊ THỦ ĐỨC

**Khóa 1 Nam Định:** từ 15/10/1951–15/10/1952

Tên khóa: Lê Lợi, Thủ Khoa: Nguyễn Duy Hình

**Khóa 1 Thủ Đức:** từ 15/10/1951–15/10/1952

Tên khóa: Lê Văn Duyệt, Thủ Khoa: Phạm Kim Quy

**Khóa 2:** từ 1/10/1952–1/4/1953

Tên khóa: Phụng Sự, Thủ Khoa: Nguyễn Thanh Huê.

**Khóa 3:** từ 1/4/1953–1/11/1953

Tên khóa: Đông Đa, Thủ Khoa: Phạm Văn Mân

**Khóa 3 phụ:** từ 1/9/1953–16/3/1954

Tên khóa: Đông Đa, Thủ Khoa: Nguyễn Cao Trường

**Khóa 4:** từ 1/12/1953–1/6/1954

Tên khóa: Cương Quyết, Thủ Khoa: Nguyễn Văn Hai

**Khóa 4 phụ:** từ 16/3/1954–1/10/1954

Tên khóa: Cương Quyết, Thủ Khoa: Nguyễn Thanh Nguyên

**Khóa 5:** từ 16/6/1954–1/2/1955

Tên khóa: Vì Dân, Thủ Khoa: Nguyễn Văn Minh

**Khóa 6:** từ 25/3/1957–8/3/1958

Tên khóa: Cộng Hòa, Thủ Khoa: Phạm Văn Vĩnh

**Khóa 7:** từ 25/6/1958–10/6/1958

Tên khóa: Nhân Vị, Thủ Khoa: Nguyễn Hữu Phú

**Khóa 8:** từ 2/3/1959–7/3/1960

Tên khóa: Bạch Đằng, Thủ Khoa: Phạm Thanh Nhân

**Khóa 9:** từ 12/10/1959–14/11/1960

Tên khóa: Đoàn Kết, Thủ Khoa: Lương Văn Hòa

Khóa 10: từ 20/6/1950–14/6/1961

Tên khóa: Thành Tín, Thủ Khoa: Huỳnh Văn Be

Khóa 11: từ 9/1/1961–22/12/1961

Tên khóa: Đồng Tiến, Thủ Khoa: Trần Văn Ân

Khóa 12: từ 23/10/1961–1/8/1962

Tên khóa: Trần Hưng Đạo, Thủ Khoa: Nguyễn Ngọc Linh

Khóa 13: từ 15/3/1962–28/12/1962

Tên khóa: Ấp Chiến Lược, Thủ Khoa: Trương Đình Ngũ

Khóa 14: từ 17/9/1962–14/6/1963

Tên khóa: Nhân Trí Dũng, Thủ Khoa: Nguyễn Ngọc Diệp

Khóa 15: từ 25/2/1963–27/11/1963

Tên khóa: Cách Mạng, Thủ Khoa: Nguyễn Lương Y

Khóa 16: từ 27/9/1963–30/4/1964

Tên khóa: Võ Tánh, Thủ Khoa: Mai Văn Men

Khóa 17: từ 13/1/1964–22/10/1964

Tên khóa: Nguyễn Thái Học, Thủ Khoa: Nguyễn Văn Long

Khóa 18: từ 8/6/19/64–18/3/1965

Tên khóa: Phan Văn Trị, Thủ Khoa: Trần Văn Ngôn

Khóa 19: từ 23/11/1964–5/8/1965

Tên khóa: Nguyễn Huệ, Thủ Khoa: Trần Sách Dọc

Khóa 20: từ 12/4/1965–22/12/1965

Tên khóa: Xây Dựng, Thủ Khoa: Lý Công Thuận

Khóa 20 phụ: từ 7/1965–1/4/1966

Khóa 21: từ 10/1965–19/10/1966

Khóa 22

Khóa 23: từ 9/1966–6/1967

Khóa 24: từ 1/1967–9/1967

Khóa 25: từ 12/4/1967–5/11/1968

Khóa 26: từ 9/1967–8/6/1968



Khóa 27: từ 26/12/1967–1/8/1968  
Thủ Khoa: Châu Minh Ba.



### Các Khóa Sau Đánh Số Theo Năm Học



#### Năm 1968 có 9 khóa:

Khóa 1/68 tại Nha Trang,  
Khóa 2/68 tại Nha Trang,  
Khóa 3/68 tại Thủ Đức,  
Khóa 4/68 tại Thủ Đức,

**Khóa 5/68** tại Thủ Đức: Có 8 đại đội, sĩ số khoảng 1,500 người. Mãn khóa tại Quang Trung ngày 28 tháng 7, 1968. Giai đoạn 2 tại Thủ Đức từ 8 tháng 10, 1968 đến 25 tháng 1, 1969. Thủ khoa là Chuẩn úy Nguyễn Đình Mô,

Khóa 6/68,  
Khóa 7/68 tại Thủ Đức,  
Khóa 8/68 tại Thủ Đức,  
Khóa 9/68 tại Thủ Đức.



#### Năm 1969 có 6 khóa:

Khóa 1/69 tại Thủ Đức,  
Khóa 2/69 tại Nha Trang,

**Khóa 3/69** tại Thủ Đức: gồm 5 đại đội, mỗi đại đội có 200 người, sĩ số là 1,000 SVSQ. Khóa này khai giảng vào tháng 3 và mãn khóa vào khoảng tháng 10, 1969,

Khóa 4/69 tại Thủ Đức, mãn khóa tháng 7, 1970,

Khóa 5/69 tại Thủ Đức,  
Khóa 6/69 tại Thủ Đức, khai giảng tháng 7, 1970.



### **Năm 1970 có 6 khóa:**

Khóa 1/70,  
Khóa 2/70,  
Khóa 3/70,  
Khóa 4/70,  
Khóa 5/70,  
Khóa 6/70: 1,650 SVSQ.



### **Năm 1971 có 5 khóa:**

Khóa 1/71,  
Khóa 2/71,  
Khóa 3/71,

**Khóa 4/71:** tại Thủ Đức; khai giảng ngày 22 tháng 8, 1971 đến ngày 2 tháng 5, 1972; tổng cộng hơn 8 tháng. Có tên là Khóa Bình Long Anh Dũng,

**Khóa 5/71:** Tổng số khoảng 500 SVSQ, mà 1/5 thuộc thành phần giáo chức, nhưng trước ngày mãn khóa có một số được trả về nhiệm sở cũ. Thời gian, địa điểm, ngày khai giảng, mãn khóa, thủ khoa được bổ sung về ngành HCTC. Khóa này có tên là Kontum kiêu hùng.



### **Năm 1972 có 16 khóa:**

Tất cả đều tham dự chiến dịch, chia làm nhiều toán khoảng 4, 5 người đi với Địa phương quân và Nghĩa quân để tác động tinh thần và phổ biến hiệp định Paris. Thời gian học quân sự và chiến dịch khoảng một năm.

**Khóa 1/72** tại Nha Trang, do Đại tá Bùi Trạch Dân, Liên đoàn trưởng, phụ trách. Khai giảng... Lẽ ra mãn khóa ngày 8 tháng 12, 1972, nhưng vì Hiệp Định Paris nên mãi đến tháng 3, 1973 mới mãn khóa. Sĩ số khoảng 700 SVSQ, hầu hết là sinh viên Kiến Trúc nhập ngũ theo lệnh tổng động viên.

Khóa 2/72,  
Khóa 3/72,  
Khóa 4/72,  
Khóa 5A/72,  
Khóa 5B/72,

Khóa 6/72 Nha Trang (Thiếu tướng Võ Văn Cảnh Chỉ Huy Trưởng Trường Đồng Đế),

Khóa 7/72,  
Khóa 8/72,  
Khóa 9A/72,  
Khóa 9B/72,

Khóa 9C/72 Thủ Đức,

**Khóa 10A/72 Đồng Đế; Tên khóa: Yên Thế,**

Khóa 10B/72 Đồng Đế,

Khóa 11/72 Đồng Đế, sĩ số 922 người. Khai giảng 16-10-1972, mãn khóa 2-6-1973,

Khóa 12/72.



**Năm 1973 có 8 khóa:**

Khóa 1/73 tại Thủ Đức,  
Khóa 2/73 tại Thủ Đức,  
Khóa 3/73 tại Long Thành,  
Khóa 4/73,  
Khóa 5/73,  
Khóa 6/73,

**Khóa 7/73:** Rất đông sinh viên SQ có bằng Cử nhân và Cao học, một số lớn xin gia nhập ngành Quân Cảnh và Địa phương quân. Khóa học trên 11 tháng kể cả thời gian đi chiến dịch lấn đất, giành dân,

Khóa 8/73.



### **Năm 1974 có 3 khóa:**

Khóa 1/74 tại Long Thành

Khóa 2/74 tại Long Thành

Khóa 3/74 tại Long Thành

### **KHU BUƯ CHÍNH CỦA TRƯỜNG BỘ BINH:**

Để giải quyết việc thu nhận và chuyển đạt công văn, thư tín, danh thiếp, bưu phẩm, bưu phiếu cho đơn vị và quân nhân trực thuộc. Mỗi đơn vị Quân Đội được thụ hưởng một Khu Buu Chính (hộp thư). Viết tắt KBC, với 4 con số ghi sau chỉ danh đơn vị đó.

**KBC** của Trường Bộ Binh có danh hiệu **KBC-4100** trực thuộc Quân Buu Cục Trung Ương tại Thủ Đô Sài Gòn.

Hơn 80,000 cựu SVSQ Trừ Bị, khoảng trên dưới 20,000 Sĩ Quan Học Viên các Khóa cùng hàng ngàn quân nhân cơ hữu qua thời gian hiện diện tại Trường Bộ Binh khác nhau. Trong hoàn cảnh chiến tranh hàng ngày, trong tuần, mỗi tháng, không ai không mong ngóng đến tin tức của gia đình, người thân và nhất là những lá thư hồng, mực tím của người yêu xa nhà gửi đến trong lúc sống ở đồi Tăng Nhơn Phú, về sau là Long Thành.

Xem đến đây, độc giả nguyên là cựu SVSQ chắc không quên hồi tưởng lại những lúc đọc thư nhà vào giờ giải lao nơi giảng đường hoặc ngoài thao trường trong thời kỳ đào tạo để trở thành Sĩ Quan.

### **BÀI HÁT CHÍNH THỨC CỦA TRƯỜNG BỘ BINH:**

Nhạc phẩm **THỦ ĐỨC HÀNH KHÚC** của *Nhạc Sĩ Hoàng Thanh* là bài hát chính thức của Trường Bộ Binh.

*(Tư liệu sưu tầm)*  
*Khuyết danh*





---

*Nguồn: Internet eMail by **MĐ Trịnh Tường Vân** chuyển*